

Số: 05/HD-SNN-VPĐP

Hà Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2018

## HƯỚNG DẪN

### Một số nội dung trong thực hiện xây dựng Thôn nông thôn mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017-2020

Thực hiện Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về ban hành Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017-2020;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện xây dựng Thôn nông thôn mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017-2020 như sau:

#### I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Xây dựng Thôn nông thôn mới (NTM) thuộc thị trấn vận dụng phương pháp xây dựng xã NTM của Chương trình MTQG xây dựng NTM.

2. Các nội dung, hoạt động xây dựng Thôn NTM phải hướng tới mục tiêu thực hiện 18 tiêu chí của Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017-2020 (sau đây gọi là Bộ tiêu chí Thôn NTM).

3. Phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn bản bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

4. Thực hiện xây dựng Thôn NTM thuộc thị trấn phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

#### II. HỆ THỐNG QUẢN LÝ, THỰC HIỆN

##### 1. Cấp tỉnh

a) Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 (tại Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 20/12/2016) có trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các nội dung hoạt động của Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh là cơ quan thường trực giúp Ban Chỉ đạo tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện xây dựng Thôn nông thôn mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh.

## **2. Cấp huyện**

a) Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các nội dung xây dựng Thôn nông thôn mới trên phạm vi địa bàn;

Chỉ đạo thị trấn rà soát, đánh giá thực trạng thôn theo Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới; xây dựng kế hoạch năm và giai đoạn;

b) Văn phòng nông thôn mới cấp huyện làm cơ quan thường trực, thực hiện chức năng giúp Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng Thôn nông thôn mới trên địa bàn.

- Hướng dẫn Thị trấn rà soát, đánh giá thực trạng thôn theo Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới; xây dựng kế hoạch năm và giai đoạn; tổng hợp và xây dựng báo cáo của Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện về Ban Chỉ đạo tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh);

- Tham mưu, giúp việc UBND huyện tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch theo đề nghị của UBND thị trấn.

- Tổng hợp kế hoạch thực hiện các nội dung xây dựng Thôn nông thôn mới trên địa bàn hàng năm báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh);

## **3. Cấp thị trấn**

### ***3.1. Ban Chỉ đạo xây dựng Thôn nông thôn mới cấp thị trấn***

Đảng Ủy thị trấn quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Thôn nông thôn mới ở cấp thị trấn. Thành viên theo mô hình Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM cấp xã. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Trưởng Ban chỉ đạo thị trấn phân công tại Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo.

#### **Ban chỉ đạo có chức năng, nhiệm vụ:**

a) Chức năng: Ban chỉ đạo thị trấn có chức năng chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các nội dung xây dựng Thôn nông thôn mới trên phạm vi địa bàn; chịu trách nhiệm trước Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị trấn và Ban Chỉ đạo huyện về kết quả thực hiện xây dựng Thôn nông thôn mới trên địa bàn.

b) Nhiệm vụ:

- Ban quản lý thị trấn, Ban phát triển thôn hoàn thành các nhiệm vụ quy định.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, Ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên;

- Tổng hợp, xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới gửi BCĐ huyện;

- Huy động nguồn lực của địa phương, của các đơn vị, tổ chức, các tầng lớp dân cư để thực hiện

- Thành lập tổ khảo sát đánh giá thực trạng thôn trên địa bàn thị trấn.
- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch triển khai xây dựng Thôn nông thôn mới trên địa bàn thị trấn;
- Tổ chức tuyên truyền, học tập nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng chuyên mục về xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian thực hiện xây dựng Thôn NTM.
- Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” gắn với xây dựng NTM theo hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

### **3.2. Ban quản lý xây dựng Thôn nông thôn mới thị trấn**

Thành lập Ban quản lý xây dựng Thôn NTM thị trấn (sau đây gọi tắt là Ban quản lý thị trấn) do Ủy ban nhân dân thị trấn quyết định thành lập. Chủ tịch UBND thị trấn làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND thị trấn làm Phó Trưởng ban. Thành viên là một số công chức thị trấn, đại diện một số ban, ngành, đoàn thể chính trị thị trấn và trưởng thôn. Thành viên Ban quản lý thị trấn chủ yếu hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Ban quản lý thị trấn trực thuộc UBND thị trấn, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của UBND thị trấn trong hoạt động giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật

#### **Ban quản lý có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:**

- Ban quản lý là chủ đầu tư các dự án, nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị trấn. UBND huyện có trách nhiệm hướng dẫn và tăng cường cán bộ chuyên môn giúp các Ban quản lý thị trấn thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Tổ chức xây dựng quy hoạch, kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng nông thôn mới của thị trấn, lấy ý kiến các cộng đồng dân cư trong toàn thị trấn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động thực thi các dự án đầu tư trên địa bàn.
- Quản lý và triển khai thực hiện các dự án, nội dung bao gồm việc thực hiện các bước từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa dự án vào khai thác, sử dụng.
- Được ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp các hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

Trong trường hợp, đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư, UBND thị trấn có thể thuê một đơn vị/tổ chức có đủ năng lực quản lý để hỗ trợ hoặc chuyển cho UBND huyện làm chủ đầu tư, có sự tham gia của lãnh đạo Ban quản

lý thị trấn. Việc thuê đơn vị/tổ chức có đủ năng lực thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

### **3.3. Công chức phụ trách về xây dựng Thôn nông thôn mới**

Căn cứ vào điều kiện thực tế, UBND thị trấn phân công 01 công chức phụ trách về nông nghiệp, xây dựng Thôn nông thôn mới. Có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Giúp UBND thị trấn xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá thực trạng thôn theo Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới; tổng hợp chung báo cáo các cấp theo quy định;

- Giúp UBND thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện và tham mưu cho Ban chỉ đạo thị trấn về công tác xây dựng Thôn nông thôn mới trên địa bàn;

- Tổng hợp kết quả thực hiện vào hệ thống biểu mẫu theo quy định; tham mưu cho UBND thị trấn báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu cấp trên.

### **4. Cấp thôn**

Thành lập Ban phát triển thôn, thành viên là những người có uy tín, trách nhiệm và năng lực tổ chức triển khai do cộng đồng thôn trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND thị trấn có quyết định công nhận (gồm người đại diện lãnh đạo thôn, đại diện các đoàn thể chính trị và hội ở thôn cùng một số người có năng lực, chuyên môn khác liên quan đến xây dựng Thôn nông thôn mới).

Ban phát triển thôn có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, phương pháp; các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, cộng đồng thôn trong quá trình xây dựng Thôn nông thôn mới. Triệu tập các cuộc họp, tập huấn đối với người dân theo đề nghị của các cơ quan tư vấn, tổ chức hỗ trợ nâng cao năng lực của người dân và cộng đồng về phát triển nông thôn.

b) Tổ chức lấy ý kiến của người dân trong thôn tham gia góp ý vào bản quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới chung của thôn theo yêu cầu của Ban quản lý thị trấn.

c) Tổ chức xây dựng các công trình hạ tầng do Ban quản lý thị trấn giao nằm trên địa bàn thôn, (như: đường giao thông, đường điện liên xóm, liên gia; xây dựng điểm trường mầm non, nhà văn hóa thôn).

d) Tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua giữa các xóm, thôn; các hộ gia đình, tập trung cải tạo ao, vườn, chỉnh trang cổng, ngõ, tường rào để có cảnh quan đẹp. Tổ chức hướng dẫn và quản lý vệ sinh môi trường trong thôn; cải tạo hệ thống thoát nước; cải tạo, khôi phục các ao hồ sinh thái; trồng cây xanh nơi công cộng, xử lý rác thải.

e) Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, chống các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn và tham gia các phong trào thi đua do thị trấn phát động.

g) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo và giúp đỡ nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo.

h) Tự giám sát cộng đồng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn thôn. Thành lập các nhóm quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi nghiệm thu bàn giao.

i) Đảm bảo an ninh, trật tự thôn xóm; Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, nội quy phát triển thôn.

### **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THÔN TRƯỚC KHI XÂY DỰNG THÔN NTM**

1. Mục đích: Làm cơ sở cho việc xây dựng nội dung, kế hoạch thực hiện nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Thôn NTM.

2. Yêu cầu và tổ chức thực hiện:

a) Thành lập tổ khảo sát đánh giá: Thành phần gồm đại diện lãnh đạo UBND thị trấn, cán bộ chuyên môn, đại diện một số thôn trong thị trấn; mỗi thôn thành lập nhóm khảo sát (khoảng 5-6 người) để hỗ trợ cho tổ khảo sát thị trấn thực hiện nhiệm vụ khảo sát, đánh giá thực trạng tại thôn đó.

b) Tổ chức nghiên cứu các văn bản hướng dẫn đánh giá Bộ tiêu chí Thôn NTM để đánh giá thực trạng nông thôn, lập kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ của tổ khảo sát đánh giá.

c) Tiến hành đánh giá thực trạng: Tổ khảo sát phối hợp với các nhóm ở các thôn, bản tiến hành đo đạc, ước tính hoặc tính toán từng nội dung các tiêu chí.

d) Tổng hợp kết quả và xác định rõ thực trạng của thôn so với yêu cầu của Bộ tiêu chí Thôn NTM như: Số tiêu chí đạt, mức đạt; những tiêu chí chưa đạt, mức đạt cụ thể từng chỉ tiêu của tiêu chí.

3. Ban chỉ đạo huyện chịu trách nhiệm tổng hợp, công bố các tiêu chuẩn, quy chuẩn đánh giá thực trạng nông thôn theo Bộ tiêu chí Thôn NTM của tỉnh (Tài liệu hướng dẫn đánh giá Bộ tiêu chí Thôn NTM); hướng dẫn, hỗ trợ các thị trấn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn

4. Sản phẩm: Báo cáo thực trạng Thôn nông thôn của thị trấn (Tham khảo mẫu đề cương báo cáo thực trạng kèm theo).

Đề nghị các huyện gửi báo cáo thực trạng thôn thuộc thị trấn theo 18 tiêu chí về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng điều phối NTM tỉnh) trước ngày **30/3/2018** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

#### IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THÔN NTM GIAI ĐOẠN

1. Kế hoạch xây dựng thôn NTM của thị trấn phải thể hiện được các nội dung cơ bản sau:

a) Kết quả khảo sát đánh giá thực trạng Thôn theo 18 tiêu chí của Bộ tiêu chí Thôn NTM, quy hoạch của thị trấn và quy hoạch chi tiết của các thôn (nếu có).

b) Mục tiêu: Đạt được các tiêu chí xây dựng Thôn NTM.

c) Danh mục các công trình, dự án, nội dung hoạt động nhằm đạt được từng tiêu chí Thôn NTM, thứ tự ưu tiên thực hiện. Các công trình, dự án, nội dung hoạt động trong kế hoạch giai đoạn phải nằm trong khuôn khổ các nội dung xây dựng tiêu chí Thôn NTM và thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các Sở, ngành theo phân công phụ trách tiêu chí.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện kế hoạch giai đoạn xây dựng thôn NTM thuộc thị trấn, trong đó xác định rõ nhu cầu vốn xây dựng NTM của từng thôn và nhu cầu vốn cho từng công trình, dự án, nội dung hoạt động thực hiện tiêu chí chưa hoàn thành của thôn.

e) Xây dựng lộ trình thực hiện Kế hoạch tổng thể (xác định cho từng công trình, dự án, nội dung hoạt động và nhu cầu vốn).

- Trong kế hoạch cần phân rõ loại công việc do thị trấn tổ chức quản lý; loại công trình, công việc giao cho thôn; loại công việc giao cho hộ tự lo; loại công việc giao cho các đoàn thể chính trị xã hội, các hội nghề nghiệp đảm nhận.

- Kế hoạch xây dựng thôn NTM của thị trấn phải phù hợp quy hoạch, kế hoạch chung, huyện, khả năng của thôn, thị trấn và được cộng đồng người dân trong thôn, thị trấn tham gia ý kiến (có ít nhất 80% số hộ dân đồng thuận).

2. Kế hoạch giai đoạn (kế hoạch tổng thể) xây dựng thôn NTM của thị trấn bắt buộc phải được người dân, cộng đồng và các đối tượng có liên quan khác tham gia, đóng góp ý kiến. Quy trình lấy ý kiến của cộng đồng nhân dân như sau:

Sau khi Ban quản lý thị trấn dự thảo xong kế hoạch tổng thể (bao gồm cả danh mục các công trình, dự án và lộ trình thực hiện), bản dự thảo Kế hoạch được công bố công khai tại trụ sở UBND thị trấn và được chuyển cho các trưởng thôn để chủ trì tổ chức họp với tất cả các hộ dân trong thôn, có sự tham gia của các đoàn thể xã hội để thảo luận lấy ý kiến đóng góp. Các ý kiến đóng góp của nhân dân được ghi thành biên bản và được chuyển tới Ban quản lý thị trấn và Hội đồng Nhân dân thị trấn. Trong vòng 15 ngày sau khi bản dự thảo kế hoạch được công bố công khai và sau khi đã họp lấy ý kiến nhân dân, Hội đồng Nhân dân xã tổ chức cuộc họp nghe ý kiến đại diện các thôn, ý kiến giải trình, tiếp thu của Ban quản lý thị trấn, trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết thông qua Kế hoạch tổng thể hoặc yêu cầu Ban quản lý xã chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp.


3. Sau khi hoàn chỉnh, trình kế hoạch tổng thể xây dựng NTM của thị trấn lên UBND huyện thẩm định và phê duyệt (*Phương pháp xây dựng kế hoạch tham khảo*

tài liệu *Hướng dẫn lập kế hoạch có sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới*, đăng tải tại Trang tin: [nongthonmoi.hagiang.gov.vn](http://nongthonmoi.hagiang.gov.vn); trong mục "Tài liệu – Hướng dẫn").


4. UBND huyện phê duyệt kế hoạch xây dựng thôn nông thôn mới thuộc thị trấn

Sau khi kế hoạch xây dựng thôn nông thôn mới thị trấn được phê duyệt, đề nghị các huyện gửi bản kế hoạch về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh).


(Về Kế hoạch xây dựng thôn nông thôn mới thuộc thị trấn giai đoạn 2017-2018, đề nghị Văn phòng NTM các huyện hướng dẫn thị trấn tham khảo mẫu đề án xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 đã thực hiện).

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung thực hiện xây dựng Thôn nông thôn mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017-2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc; các huyện, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng điều phối NTM tỉnh) để nghiên cứu thực hiện tham mưu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. 

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo NTM các huyện;
- Văn phòng NTM các huyện;
- GD và các PGD;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, PCS. 

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Vinh

Handwritten scribbles and marks, possibly including the number '1' and some illegible characters.



UBND THỊ TRẤN.....  
THÔN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-T... .., ngày tháng năm 2018

## BÁO CÁO

### Thực trạng Thôn ....., thị trấn.....theo 18 tiêu chí xây dựng thôn NTM

- Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh Hà Giang V/v Ban hành Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020;

- Căn cứ Hướng dẫn thực hiện tiêu chí thôn nông thôn mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017-2020 của các Sở, ngành.

- Thực hiện.....

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nêu khái quát điều kiện địa lý, diện tích, tài nguyên, con người, dân tộc và đặc điểm về kinh tế, xã hội của thôn.

#### II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THÔN THEO 18 TIÊU CHÍ

**1. Quy hoạch và hiện trạng quy hoạch của thôn (Biểu 1):** Đánh giá tình trạng các quy hoạch đã có (quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng thôn, bản hoặc xây dựng các khu dân cư mới và khu tái định cư; Đối với Thôn không nằm trong ranh giới quy hoạch đô thị của thị trấn đã được phê duyệt hoặc chưa có đồ án quy hoạch)

\* Trong đó làm rõ:

- Những quy hoạch đã có không cần phải bổ sung.
- Những quy hoạch còn thiếu cần phải xây dựng mới theo yêu cầu.
- Những quy hoạch cần phải bổ sung, điều chỉnh.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 1 Quy hoạch của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020

**2. Hạ tầng kinh tế - xã hội:** Gồm 7 tiêu chí từ tiêu chí 2 đến tiêu chí 8

##### 2.1. Tiêu chí 2 - Giao thông (Biểu 2):

- Đường từ trung tâm thị trấn đến trung tâm thôn: Tổng chiều dài có.....km  
....., hiện trạng mặt đường rộng .....m, nền đường rộng .....m. Trong đó:

- + Đường rải nhựa: .... km
- + Đường cấp phối và đường đất.....: ..... km

\* Tỷ lệ đạt so với tiêu chí.....%

\* So với tiêu chí: Đạt/Chưa đạt (tiêu chí là .....%)

- Đường trục thôn và đường liên thôn: Tổng số ..... km, đi qua ....., hiện trạng mặt đường rộng .....m, nền đường rộng .....m. Trong đó: Đường bê tông: .... km, Đường cấp phối và đường đất.....: ..... km. Tỷ lệ đạt so với tiêu chí.....%.

+ So với tiêu chí: Đạt/Chưa đạt (tiêu chí là .....%).

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa... Tổng số có ..... km, chiều rộng mặt đường .....m, trong đó: đã bê tông được ..... km. Đạt .....%.

+ So với tiêu chí: **Đạt/chưa đạt** (tiêu chí là .....)

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Tổng số ..... km, trong đó đã bê tông được .....km ở ....., còn lại .....km chưa được bê tông hóa ở .....km. Đạt .....%

+ So với tiêu chí: **Đạt/chưa đạt** (tiêu chí là .....)

#### **\* Đánh giá chung**

.....  
Tiêu chí 2 - Giao thông: **Đạt/chưa đạt**

- Dự báo từ nay đến hết năm 20.... sẽ phấn đấu đạt tiêu chí này.

#### **2.2. Tiêu chí 3 - Thủy lợi (Biểu 3)**

- Mô tả hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn thôn (các hồ, đập, kênh mương, trạm bơm tưới, tiêu kết hợp, đê, kè, cống....).

+ Hiện trạng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới nước chủ động/tổng số đất diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

+ Có hệ thống kênh mương tưới tiêu, hoặc hệ thống dẫn nước phù hợp với điều kiện của địa phương đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

- Hiện trạng và số km kênh mương đã được cứng hoá/tổng số km.

- Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu và cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt, phòng chống bão, lũ.....

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 3 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

#### **\* Đánh giá chung**

.....  
Tiêu chí 3 - Thủy lợi: **Đạt/chưa đạt**

- Dự báo từ nay đến hết năm 20.... sẽ phấn đấu đạt tiêu chí này.

#### **2.3. Tiêu chí 4 - Điện (Biểu 4)**

- Số trạm biến áp... trong đó số trạm đạt yêu cầu....., số trạm cần nâng cấp....., số trạm cần xây dựng mới.....

- Số km đường dây hạ thế....., trong đó.... km đạt chuẩn, ....km cần cải tạo, nâng cấp, ..... km cần xây dựng mới.

- Số hộ và tỷ lệ hộ được dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 4 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

**\* Đánh giá chung**

.....

Tiêu chí 4 – Điện: **Đạt/chưa đạt**

- Dự báo từ nay đến hết năm 20.... sẽ phấn đấu đạt tiêu chí này.

**2.4. Tiêu chí 5 - Trường học (biểu 5)**

Mô tả số điểm trường học, phòng học trên địa bàn thôn và mức độ đạt chuẩn của các điểm trường, như sau:

a. Điểm trường mầm non:

- Số phòng học đã có..... , số phòng chưa đạt chuẩn...

- Số phòng chức năng đã có ..... , số còn thiếu....

- Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có ..... m<sup>2</sup>, số còn thiếu .....m<sup>2</sup>.

b. Điểm trường tiểu học:

- Số phòng học đã có..., số phòng chưa đạt chuẩn...

- Số phòng chức năng đã có ..... , số còn thiếu.....

- Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có ..... m<sup>2</sup>, số còn thiếu .....m<sup>2</sup>.

\* Nếu thôn có hai điểm trường Tiểu học và Mầm non tách riêng thì kê phần: Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có ..... m<sup>2</sup>, số còn thiếu .....m<sup>2</sup> cho từng trường, nếu chung thì tính tổng số học sinh chia ra từng cấp theo quy định của ngành.

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 5 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

**\* Đánh giá chung**

.....

Tiêu chí: **Đạt/chưa đạt**

- Dự kiến từ nay đến hết năm 20.... sẽ phấn đấu đạt tiêu chí này.

**2.5. Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hoá (biểu 6)**

- Thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: Số thôn đã có..., số thôn chưa đạt chuẩn...; đã đạt chuẩn..., trong đó: Số nhà văn hóa cần nâng cấp....., số nhà văn hóa cần xây mới...

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 6 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

**\* Đánh giá chung**

.....

Tiêu chí: **Đạt/chưa đạt**

- Dự kiến từ nay đến hết năm 20.... sẽ phấn đấu đạt tiêu chí này.

### **2.6. Tiêu chí 7 – Thông tin và Truyền thông (biểu 6)**

- Thôn có dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet: .....

- Thôn có hệ thống loa truyền thanh hoạt động:.....

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 7 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

### **2.7. Tiêu chí 8 - Nhà ở dân cư (biểu 6)**

- Số nhà tạm, dột nát....., tỷ lệ .....%.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.....%.

*So sánh với tiêu chí 8 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

#### **\* Đánh giá chung**

.....  
Tiêu chí: **Đạt/chưa đạt**

- Dự kiến từ nay đến hết năm 20.... sẽ phấn đấu đạt tiêu chí này.

### **3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất**

#### **3.1. Tiêu chí số 9 - Thu nhập**

- Tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn các thôn trên các lĩnh vực sản xuất trồng trọt (cây lương thực và các loại cây hàng hóa chủ yếu), chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hoạt động ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ...; Tỷ trọng hàng hóa;

- Xác định thu nhập bình quân đầu người/năm của thôn.

*So sánh mức độ đạt được so với Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

#### **\* Đánh giá chung**

.....  
Tiêu chí: **Đạt/chưa đạt**

- Dự kiến từ nay đến hết năm 20.... sẽ phấn đấu đạt tiêu chí này.

#### **3.2. Tiêu chí số 10 - Hộ nghèo**

- Xác định số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của từng thôn.

*So sánh mức độ đạt được so với Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

#### **3.3. Tiêu chí số 11 - Lao động có việc làm (biểu 7)**

- Khảo sát, thống kê tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn...

*So sánh mức độ đạt được so với Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

### **3.4. Tiêu chí 12 - Tổ chức sản xuất (biểu 8)**

- Tỷ lệ hộ dân chủ động áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất: .....% (số hộ dân áp dụng tiến bộ KHKT/tổng số hộ dân tham gia sản xuất).

- Có mô hình phát triển sản xuất hiệu quả và đảm bảo bền vững: Số mô hình.../thôn.

- Thôn có tổ sản xuất (nông nghiệp, CN- TTCN, Dịch vụ)....., hoạt động có hiệu quả, tổng số lao động tham gia ..... người.

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

### **4. Văn hoá – xã hội và môi trường**

#### **4.1. Tiêu chí 13 - Giáo dục (biểu 9)**

- Mức độ đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đã đạt hay chưa đạt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, bỏ túc THPT, trung cấp:.....%. Trong đó:

+ Trung học phổ thông:.....%

+ Bỏ túc THPT:.....%

+ Trung cấp:.....%

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo so với tổng số lao động:....% (tổng số lao động có việc làm/tổng số lao động được đào tạo).

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 13 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

#### **4.2. Tiêu chí 14 - Y tế (biểu 9):**

- Tỷ lệ người dân tham gia các loại hình thức bảo hiểm y tế.....%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)....%

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 14 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

#### **4.3. Tiêu chí 15 - Văn hoá**

- Thôn đạt tiêu chuẩn làng văn hoá: Đạt/chưa đạt.

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 16 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

#### **4.4. Tiêu chí 16 - Môi trường và an toàn thực phẩm (biểu 10)**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định....%.

- Cơ sở chế biến, sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường...Đạt/ chưa đạt.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn...Đạt/ chưa đạt.
- Mai táng phù hợp với quy hoạch, hương ước của địa phương ...Đạt/ chưa đạt.
- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định...Đạt/ chưa đạt.
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch...%.
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường ...%
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm...%.

*So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 16 của Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

**\* Đánh giá chung**

.....  
**Tiêu chí:Đạt/chưa đạt**

- Dự kiến từ nay đến hết năm 20.... sẽ phấn đấu đạt tiêu chí này.

**5. Tiêu chí số 17 - Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật (biểu 11)**

- Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn đạt tiêu chuẩn theo quy định....đạt/ chưa đạt.
- Chỉ bộ thôn đạt trong sạch, vững mạnh; các tổ chức chính trị xã hội được đánh giá xếp loại xuất sắc. ....đạt/ chưa đạt.
- Tỷ lệ người dân được tiếp cận pháp luật theo quy định (thuộc lĩnh vực, phạm vi của thôn). ....%.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội....đạt/ chưa đạt.

*So sánh mức độ đạt được so với Bộ tiêu chí thôn nông mới thuộc thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 – 2020.*

**6. Tiêu chí số 18 – Quốc phòng và An ninh (biểu 11)**

Thực trạng về công tác giữ gìn an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn: về tổ chức và hiệu quả hoạt động.

- Có các chức danh trong lực lượng dân quân theo qui định (Thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng, trung đội trưởng dân quân. Người giữ các chức danh trên phải là đảng viên).....đạt/ chưa đạt.
- Thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước....đạt/ chưa đạt.

\* Đánh giá: Tình hình quốc phòng và an ninh trật tự xã hội ở thôn.....

### **Tiêu chí 18 – Quốc phòng và An ninh: Đạt/chưa đạt.**

**Lưu ý:** Phần đánh giá thực trạng các tiêu chí cần thuyết minh đầy đủ theo các biểu thực trạng kèm theo và có thể bổ sung các nội dung cần thiết theo điều kiện thực tế và một số chi tiết còn thiếu mà trong mẫu đề cương báo cáo này không có (tham khảo mẫu báo cáo thực trạng theo đề án xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 đã thực hiện).

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Đánh giá thực trạng các chương trình, dự án đã và đang triển khai thực hiện trên địa bàn thôn (nếu có)**

- Số lượng, nội dung các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn.
- Tình hình lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn; thuận lợi, khó khăn khi lồng ghép.
- Tổng các nguồn lực theo các chương trình, dự án đã đầu tư trên địa bàn, trong đó nêu rõ vốn Trung ương, vốn ngân sách địa phương đối ứng, vốn dân đóng góp và những nguồn tài trợ khác.

Đánh giá khái quát những khó khăn, hạn chế trong việc huy động nội lực vốn đầu tư....

### **2. Kết luận chung**

- Đánh giá khái quát những mặt đạt được và chưa đạt được trong xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn thôn.

- Nêu rõ số chỉ tiêu đạt tiêu chí thôn nông thôn mới thuộc thị trấn (**biểu 12**):

+ Thôn đạt được ...../18 tiêu chí, cụ thể:

.....

+ Còn ..... tiêu chí tính đến thời điểm rà soát chưa đạt, cụ thể:.....

## **IV. NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN**

### **1. Tổng nhu cầu vốn: .....triệu đồng (Biểu 13):**

1.1. Vốn đầu tư cho hạng mục lập quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng thôn bản hoặc xây dựng các khu dân cư mới và khu tái định cư (Đối với trường hợp cần thiết phải lập quy hoạch chi tiết - Tiêu chí số 1).

- Nhu cầu kinh phí: .....triệu đồng.

1.2. Vốn đầu tư cho sở hạ tầng kinh tế - xã hội (Bao gồm kinh phí thực hiện từ tiêu chí số 2 đến tiêu chí số 8).

- Nhu cầu kinh phí: .....triệu đồng.

1.3. Vốn hỗ trợ phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất (Bao gồm kinh phí thực hiện từ tiêu chí số 9 đến tiêu chí 12).

- Nhu cầu kinh phí: .....triệu đồng.

1.4. Vốn hỗ trợ cho các hoạt động thuộc nhóm Văn hóa - xã hội - môi trường (Từ tiêu chí số 13 đến Tiêu chí 16).

- Nhu cầu kinh phí: .....triệu đồng.

1.5. Vốn hỗ trợ cho các hoạt động thuộc hợp phần Hệ thống chính trị (Từ tiêu chí 17 đến Tiêu chí 18).

- Nhu cầu kinh phí: .....triệu đồng.

## 2. Phân kỳ đầu tư

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu vốn, UBND thị trấn xây dựng phân kỳ đầu tư cho thôn theo từng năm với các hạng mục cụ thể như sau:

- **Năm 2018**, tổng nhu cầu vốn đầu tư: ..... **triệu đồng**.

VD: Đầu tư cho các hạng mục: Quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng thôn (nếu có), Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Điện nông thôn, Giáo dục, Phát triển sản xuất, Hệ thống tổ chức chính trị, ....

- **Năm 2019**, tổng nhu cầu vốn đầu tư: ..... **triệu đồng**.

VD: Đầu tư cho các hạng mục: Thủy lợi, y tế, nước sạch, cảnh quan môi trường, chất thải, trường học, ....

- **Năm 2020**, tổng nhu cầu vốn đầu tư: .....**triệu đồng**.

Đầu tư cho các hạng :.....

## V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-.....;

-.....;

- Lưu: VT.

TRƯỞNG THÔN



**BIỂU 1. RÀ SOÁT QUY HOẠCH**

TT	Nội dung rà soát	Hiện trạng tháng ...../2018		Kế hoạch ...../201..	
		Đã có	Chưa có	Cần điều chỉnh, bổ sung	Cần xây dựng mới
1	Có quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng thôn, bản hoặc xây dựng các khu dân cư mới và khu tái định cư ( <i>Đối với Thôn không nằm trong ranh giới quy hoạch đô thị của thị trấn đã được phê duyệt hoặc chưa có đồ án quy hoạch</i> )	x			
2					







BIỂU 3. HIỆN TRẠNG VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG THỦY LỢI

TT	Công trình	Hiện trạng năm 2018				Kế hoạch đầu tư xây dựng		
		Tổng chiều dài	Phạm vi tưới	Đã được kiên cố hóa (km)	Tỷ lệ được kiên cố hóa (%)	Tổng số (km)	Mở mới (km)	Trong đó Kiên cố hóa (km)
I	Kênh cấp 1 (km)							
II	Kênh cấp 2 (km)							
III	Kênh cấp 3 (mương, máng) (km)							
IV	Hệ thống dẫn nước							
V	Đập							
VI	Công (cái)							



**BIỂU 4. HIỆN TRẠNG VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐIỆN**

TT	Hạng mục	ĐVT	Hiện trạng	Kế hoạch đầu tư		
				Tổng số	Trong đó	
					Xây mới	Nâng cấp cải tạo
<b>1</b>	<b>Tổng trạm</b>	<b>Trạm</b>				
<b>2</b>	<b>Tổng công suất</b>	<b>KVA</b>				
<b>3</b>	<b>Hệ thống đường dây</b>					
	- Cao thế	km				
	- Trung thế (35KV)	km				
	- Hạ thế (0,4KV và 0,22KV)	km				
	Hệ thống chiếu sáng	Xóm				
<b>4</b>	<b>Một số chỉ tiêu khác</b>					
-	Tổng số hộ sử dụng điện	hộ				
	Tỷ lệ hộ được dùng điện	%				
-	Chất lượng	đáp ứng/ko				
+	Thời gian cấp điện/ngày	giờ				
+	Giá	đồng/kwh				
+	An toàn	có/không				
-	Hình thức quản lý					
+	Ngành					
+	Địa phương					









**BIỂU 6. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HOÁ,  
THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG, NHÀ Ở DÂN CƯ**

TT	Hạng mục	ĐVT	Hiện trạng	Kế hoạch đầu tư		
				Tổng số	Trong đó	
					Xây mới	Nâng cấp cải tạo
<b>I</b>	<b>Cơ sở vật chất văn hoá</b>					
	- Nhà văn hoá thôn	Nhà	Chưa có	1	1	
	+ Đạt chuẩn	Nhà		1	1	
	- Khu thể thao thôn	Khu				
	+ Đạt chuẩn	Có/không				
	- Trang thiết bị nhà văn hoá					
	+ Bàn ghế	Bộ				
	+ Loa đài.....	bộ				
<b>2</b>	<b>Các thiết chế văn hoá</b>					
	- Thôn có hương ước văn hoá	Có/không				
	- Thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hoá	Có/không				
	+ Tỷ lệ	%				
	- Số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá	Hộ				
	+ Tỷ lệ	%				
<b>II</b>	<b>Thông tin và truyền thông</b>					
<b>2</b>	Tỷ lệ số hộ có điện thoại	%				
<b>4</b>	Thôn đã có Internet chưa	Có/không				
<b>5</b>	Thôn có Hệ thống loa truyền thanh hoạt động chưa	Có/không				
<b>III</b>	<b>Nhà ở dân cư</b>					
	Nhà tạm, dột nát	Nhà				
	Tỷ lệ số hộ có nhà ở đạt	%				



**BIỂU 7. DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2018</b>
<b>1</b>	<b>Tổng dân số</b>		
1.1	Nông nghiệp	Người	
1.2	Phi nông nghiệp	Người	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên</b>	%	
<b>3</b>	<b>Người có việc làm trong độ tuổi LĐ có khả năng tham gia LĐ</b>		Người
3,1	Nông nghiệp	Người	
	Tỷ lệ	%	
3,2	Công nghiệp	Người	
	Tỷ lệ	%	
3,3	Dịch vụ, thương mại	Người	
	Tỷ lệ	%	
<b>4</b>	<b>Trình độ lao động</b>		
4,1	Đã qua đào tạo	Người	
	Tỷ lệ	%	
4,2	Chưa qua đào tạo	Người	
	Tỷ lệ	%	



**BIỂU 8. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

<b>TT</b>	<b>Hình thức TCSX</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2018</b>
1	Hộ dân chủ động áp dụng tiến bộ KHKT	Hộ	
	Tỷ lệ	%	
2	Mô hình PTSX hiệu quả	MH	
	.....		
	.....		
3	Tổ sản xuất .....	Có/không	





**BIỂU 9. HIỆN TRẠNG GIÁO DỤC VÀ Y TẾ**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng năm 201.....
<b>A</b>	<b>Hiện trạng giáo dục</b>		
<b>I</b>	<b>Điểm trường mầm non</b>		
<b>1</b>	<b>Học sinh</b>		
-	Tổng số	học sinh	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi được đến trường	%	
<b>2</b>	<b>Giáo viên</b>		
-	Tổng số	giáo viên	
-	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	
<b>II</b>	<b>Điểm trường tiểu học</b>		
<b>1</b>	<b>Học sinh</b>		
-	Tổng số	học sinh	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi được đến trường	%	
<b>2</b>	<b>Giáo viên</b>		
-	Tổng số	giáo viên	
-	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	
<b>B</b>	<b>Hiện trạng y tế</b>		
<b>1</b>	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	
<b>2</b>	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	



**BIỂU 10. HIỆN TRẠNG VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng 2018
1	Số hộ dùng nước hợp vệ sinh	Hộ	
2	Tỷ lệ hộ dùng nước SH hợp vệ sinh	%	
3	Cơ sở chế biến, sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Đạt/không đạt	
4	Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt/không đạt	
5	Mai táng phù hợp với quy hoạch, hương ước của địa phương	Đạt/không đạt	
6	Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt/không đạt	
7	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	
8	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	
9	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	%	



**BIỂU 11. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Kế hoạch	
				2019	2020
<b>I</b>	<b>Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật</b>				
1	Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn đạt tiêu chuẩn theo quy định.	Đạt/Chưa đạt			
2	Số đảng viên	Đang viên			
3	Chi bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh	Đạt/Chưa đạt			
4	Các tổ chức chính trị xã hội được đánh giá xếp loại xuất sắc.	Đạt/Chưa đạt			
5	Tỷ lệ người dân được tiếp cận pháp luật theo quy định	%			
6	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt/Chưa đạt			
<b>II</b>	<b>Quốc phòng và An ninh</b>				
1	Có các chức danh trong lực lượng dân quân theo qui định (Thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng, trung đội trưởng dân quân. Người giữ các chức danh trên phải là đảng viên).	Đạt/Chưa đạt			
2	Thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt/Chưa đạt			



**BIỂU ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THÔN THEO BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2018**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo QĐ 2013		Hiện trạng	Chỉ tiêu	Số với tiêu chí (Đánh giá đạt/chưa đạt)
			Thôn ĐBK	Các thôn còn lại			
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng thôn, bản hoặc xây dựng các khu dân cư mới và khu tái định cư (Đối với Thôn không nằm trong ranh giới quy hoạch đô thị của thị trấn đã được phê duyệt hoặc chưa có đồ án quy hoạch)	Đạt	Đạt			
			Đạt	Đạt			
			Đạt	Đạt			
2	Giao thông	2.1. Đường trục thôn và đường liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥80% cứng hóa)	100% cứng hóa			
		2.2. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (≥70% cứng hóa)	100% (≥90% cứng hóa)			
		2.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥70%	≥80%			
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới nước chủ động	≥70%	≥90%			
		3.2. Có hệ thống kênh mương tưới tiêu, hoặc hệ thống dẫn nước phù hợp với điều kiện của địa phương đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.	Đạt	Đạt			
		3.3. Có hệ thống kênh mương tưới tiêu, hoặc hệ thống dẫn nước phù hợp với điều kiện của địa phương đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.	Đạt	Đạt			
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt			
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	≥95%			
5	Trường học	5.1. Điểm trường (nếu có) đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo qui định của ngành giáo dục	Đạt	Đạt			
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Có nhà văn hóa thôn hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	Đạt	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo QĐ 2013		Hiện trạng ...../ 2018		So với tiêu chí (Đánh giá đạt/chưa đạt)
			Thôn ĐBK	Các thôn còn lại	Thực trạng	Chỉ tiêu	
7	Thông tin và Truyền thông	7.1. Thôn có sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet	Đạt	Đạt			
		7.2. Thôn có hệ thống loa truyền thanh hoạt động	Đạt	Đạt			
8	Nhà ở dân cư	8.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không			
		8.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥80%	≥90%			
9	Thu nhập	9.1. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2017 (triệu đồng/người)	≥25,5	≥26,5			
		9.2. Năm 2018 (triệu đồng/người)	≥28,5	≥29,5			
		9.3. Năm 2019 (triệu đồng/người)	≥32,5	≥33,5			
		9.4. Năm 2020 (triệu đồng/người)	≥36	≥36			
10	Hộ nghèo	10.1. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤12%	≤6%			
11	Lao động có việc làm	11.1. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	≥93%			
12	Tổ chức sản xuất	12.1. Tỷ lệ hộ dân chủ động áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất	≥80%	≥80%			
		12.2. Có mô hình phát triển sản xuất hiệu quả và đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt			
		12.3. Thôn có tổ sản xuất	Đạt	Đạt			
13	Giáo dục và Đào tạo	13.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt			
		13.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học THPT, bỏ túc THPT, trung cấp	≥80%	≥90%			



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo QĐ 2013		Hiện trạng ..... / 2018		So với tiêu chí (Đánh giá đạt/chưa đạt)
			Thôn ĐBK	Các thôn còn lại	Thực trạng	Chỉ tiêu	
		13.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥35%	≥35%			
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥90%	≥90%			
		14.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤26,7%	≤26,3%			
15	Văn hóa	15.1. Thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt			
		16.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥90% (≥50% nước sạch)	≥90% (≥50% nước sạch)			
		16.2. Cơ sở chế biến, sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt			
		16.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt			
		16.4. Mai táng phù hợp với quy hoạch, hương ước của địa phương	Đạt	Đạt			
16	Môi trường và an toàn thực phẩm	16.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt			
		16.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch [2]	≥70%	≥70%			
		16.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%	≥60%			
		16.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo QĐ 2013		Hiện trạng ...../ 2018		So với tiêu chí (Đánh giá đạt/chưa đạt)
			Thôn ĐBK	Các thôn còn lại	Thực trạng	Chỉ tiêu	
17	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	17.1. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn đạt tiêu chuẩn theo quy định.	Đạt	Đạt			
		17.2. Chi bộ thôn đạt trong sạch, vững mạnh; các tổ chức chính trị xã hội được đánh giá xếp loại xuất sắc.	Đạt	Đạt			
		17.3. Tỷ lệ người dân được tiếp cận pháp luật theo quy định (thuộc lĩnh vực, phạm vi của thôn).	≥90%	100%			
		17.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt			
18	Quốc phòng và An ninh	18.1. Có các chức danh trong lực lượng dân quân theo qui định (Thôn đội trưởng, tiêu đội trưởng, trung đội trưởng dân quân. Người giữ các chức danh trên phải là đảng viên).	Đạt	Đạt			
		18.2. Thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt			



IV	<p>Vốn hỗ trợ cho các hoạt động thuộc nhóm Văn hóa - xã hội - môi trường (Từ tiêu chí số 13 đến Tiêu chí 16).</p>	1		2	<p>.....</p>	V	<p>Vốn hỗ trợ cho các hoạt động thuộc hợp phần Hệ thống chính trị (Từ tiêu chí 17 đến Tiêu chí 18).</p>	3	<p>.....</p>																		
----	---	---	--	---	--------------	---	---	---	--------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--